



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 39

Ngày 01 tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-7-2015- Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 03-7-2015- Quyết định số 3273/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015. 48

- 06-7-2015- Quyết định số 3301/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 60
- 14-7-2015- Quyết định số 3420/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 82

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5245/TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2015 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2135/STP-VB ngày 27 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và xác định định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, gồm:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.
2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện: Cần Giờ, Củ Chi, Nhà Bè, Hóc Môn và Bình Chánh.
3. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và xác định định mức chi phí lập,

thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí là những yêu cầu về nội dung nghiên cứu, tổ chức thực hiện đối với dự án quy hoạch và dự toán các khoản chi tương ứng để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch do cơ quan lập quy hoạch xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố là Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Cơ quan lập quy hoạch:

a) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố, cơ quan lập quy hoạch là Ban Quản lý dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố.

b) Đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, cơ quan lập quy hoạch là các sở, ngành.

c) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, cơ quan lập quy hoạch là Ủy ban nhân dân của 5 huyện.

4. Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Tư vấn lập quy hoạch là tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân, hội nghề nghiệp, hội ngành nghề (tổ chức) hoặc chuyên gia được cơ quan lập quy hoạch thuê để lập quy hoạch hoặc thực hiện một số công việc trong quá trình lập quy hoạch.

Chương II

TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP DỰ ÁN QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 4. Căn cứ lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Các văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết, Quyết định về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân Thành phố

và Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến dự án cần lập quy hoạch.

2. Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Bộ quản lý ngành đặt ra yêu cầu phải lập quy hoạch.

3. Các quy hoạch liên quan còn hiệu lực thi hành.

4. Các văn bản hướng dẫn về kinh phí cho công tác quy hoạch và các quy định hiện hành về quản lý tài chính.

5. Thuộc danh mục quy hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp kiến nghị của các sở - ngành và lập báo cáo danh mục các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố cần lập quy hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

Điều 5. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm xây dựng đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và trình phê duyệt theo quy định.

2. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch của dự án quy hoạch gồm các nội dung chính như sau:

a) Tên dự án quy hoạch;

b) Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của quy hoạch;

c) Các căn cứ để lập quy hoạch;

d) Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch;

đ) Mục tiêu, yêu cầu và các vấn đề chính cần giải quyết của dự án quy hoạch;

e) Các nội dung chủ yếu của các loại quy hoạch tương ứng theo quy định tại các Điều 19, 22 và 26 của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

g) Các yêu cầu về hồ sơ sản phẩm của dự án quy hoạch.

h) Yêu cầu về tiến độ, trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình xây dựng dự án quy hoạch.

3. Dự toán kinh phí đối với dự án quy hoạch được lập theo Quy định này.

Điều 6. Thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố: Hội đồng thẩm định thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự

án quy hoạch. Số lượng thành viên, cơ cấu, thành phần của Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nhưng phải có đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính.

Điều kiện tiến hành phiên họp, việc biểu quyết đánh giá của Hội đồng thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được áp dụng tương ứng đối với Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch quy định tại Khoản 2 Điều 23 và Điều 24 của Quy định này.

2. Đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện: Thực hiện theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan có liên quan; trong đó phải có ý kiến của bộ quản lý ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính đối với các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính đối với các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ triển khai công tác thẩm định, cụ thể như sau:

a) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định danh sách Hội đồng thẩm định; triển khai họp thẩm định; tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định; phối hợp với cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí và lập Báo cáo kết quả thẩm định.

b) Đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố: Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm triển khai lấy ý kiến đóng góp bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, tổng hợp ý kiến thẩm định; phối hợp với cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí và lập Báo cáo kết quả thẩm định.

c) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội 5 huyện: Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm triển khai lấy ý kiến đóng góp bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, bao gồm ý kiến của các quận, huyện tiếp giáp lân cận (kể cả các quận, huyện không thuộc địa giới Thành phố), tổng hợp ý kiến thẩm định; phối hợp với cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và lập Báo cáo kết quả thẩm định.

4. Báo cáo kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a) Sự phù hợp của các căn cứ pháp lý;

b) Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của quy hoạch;

c) Sự phù hợp về nội dung của đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch;

d) Kết luận của Hội đồng thẩm định (đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố) hoặc kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện).

Điều 7. Trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm trình hồ sơ đề nghị phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.

2. Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch;

b) Báo cáo kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí;

c) Dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí (theo mẫu quy định tại Phụ lục I).

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đối với các dự án quy hoạch do cơ quan lập quy hoạch trình.

Điều 9. Bố trí vốn đối với các dự án quy hoạch

Sở Tài chính chịu trách nhiệm bố trí vốn cho các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố trên cơ sở Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Chương III

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 10. Nguyên tắc xác định định mức chi phí

1. Định mức chi phí tại Quy định này là mức chi phí cần thiết tối đa để thực hiện toàn bộ nội dung các công việc lập, thẩm định, phê duyệt và công bố dự án quy hoạch.

2. Định mức chi phí tại Quy định này chưa bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, chi phí để thực hiện các công việc khảo sát thăm dò và đo vẽ (hoặc mua) bản đồ (địa hình, địa chất, hành chính và các loại bản đồ khác) khu vực quy hoạch, chi phí lập báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược.

Căn cứ theo yêu cầu nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, trường hợp cần thiết phải có các chi phí trên thì đơn vị được giao lập dự toán bổ sung dự toán chi tiết theo nhiệm vụ quy hoạch trên cơ sở áp dụng các định mức chi phí có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo hướng dẫn tại Phụ lục X của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

3. Trường hợp chi phí thuê tư vấn nước ngoài lập các dự án quy hoạch bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước vượt quá định mức tại Quy định này phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định hiện hành.

Điều 11. Định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch

1. Định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố:

a) Áp dụng công thức tính tại Điều 5 và các Phụ lục I, II, III, XI của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, tổng mức chi phí tối đa được xác định cụ thể như sau:

$$\begin{aligned} G_{QH TP Hồ Chí Minh} &= G_{chuẩn} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times K \\ &= 850 \times 1 \times 4,5 \times 1,08 \times K \end{aligned}$$

Trong đó:

$G_{QH TP Hồ Chí Minh}$ là tổng mức chi phí tối đa cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị triệu đồng).

$G_{chuẩn} = 850$ (triệu đồng), là mức chi phí cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

H_1 - hệ số cấp độ địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh = 1.

H_2 - hệ số điều kiện làm việc và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh = 4,5.

H_3 - hệ số quy mô diện tích tự nhiên của Thành phố Hồ Chí Minh = 1,08.

K là hệ số điều chỉnh lương tối thiểu và mặt bằng giá tiêu dùng = $K1$ cộng (+) $K2$:

$K1 = 0,3$ nhân (x) với Chỉ số giá tiêu dùng được Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm tính toán (cách tính tại Phụ lục II đính kèm).

$K2 = 0,7$ nhân (x) với Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu. Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu được xác định = Mức lương tối thiểu khi Nhà nước thay đổi tại thời điểm tính toán chia cho 830.000 đồng/tháng.

b) Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

2. Định mức chi phí tối đa của dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện không quá 40% định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự toán cho dự án quy hoạch tại thời điểm cụ thể sẽ được điều chỉnh theo K . Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án quy hoạch của huyện theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

3. Định mức chi phí tối đa cho các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu:

a) Áp dụng công thức tính tại Điều 7 và các phụ lục I, II, III, VII, XI của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT, tổng mức chi phí tối đa cho các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được tính như sau:

$$G_{QHN} = G_{chuẩn} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K$$

$$= 850 \times 1 \times 4,5 \times 1,08 \times Q_n \times K$$

Trong đó:

G_{QHIN} là tổng mức chi phí cho dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu (đơn vị triệu đồng).

$G_{chuẩn}$ và các hệ số H_1, H_2, H_3, K được áp dụng như định mức chi phí tối đa của dự án lập mới quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này.

Q_n : Hệ số khác biệt giữa quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được xác định theo Phụ lục III đính kèm.

b) Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố tại Phụ lục IX của Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

c) Định mức chi phí cho các dự án quy hoạch phát triển một ngành, lĩnh vực là thành phần của một ngành, lĩnh vực chủ yếu không quá 50% định mức được quy định cho ngành, lĩnh vực chủ yếu đó.

Điều 12. Định mức chi phí tối đa của dự án điều chỉnh quy hoạch

Mức chi phí tối đa cho các dự án điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung cần điều chỉnh trong quy hoạch đã phê duyệt.

1. Đối với quy hoạch đã thực hiện từ 5 năm trở lên thì mức chi phí không vượt quá 65% tổng chi phí ở mức tối đa của dự án lập mới quy hoạch đó tại thời điểm lập dự toán.

2. Đối với dự án quy hoạch cần điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mức chi phí không vượt quá 10% tổng chi phí ở mức tối đa của dự án lập mới quy hoạch đó tại thời điểm lập dự toán.

3. Định mức cho các khoản mục chi phí của dự án điều chỉnh quy hoạch (tính theo tỷ lệ phần trăm của tổng mức chi) áp dụng như định mức cho các khoản mục chi phí của dự án lập mới quy hoạch quy định tại Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT.

Điều 13. Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập, điều chỉnh dự án quy hoạch

1. Đối với dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện: Chi phí thẩm định đề cương,

nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch lập mới và dự án điều chỉnh bằng 1% dự toán của dự án quy hoạch đó.

2. Đối với dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu: Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch lập mới và dự án điều chỉnh bằng 1,5% dự toán của dự án quy hoạch đó.

3. Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch được để lại toàn bộ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi thống nhất với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương IV

TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 14. Căn cứ lập quy hoạch

1. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đã được phê duyệt.

2. Các căn cứ lập quy hoạch phù hợp với từng loại quy hoạch theo quy định tại các Điều 20, 23, 27 Nghị định số 92/2006/NĐ-CP và các Khoản 12, 13, 15, 16 Điều 1 Nghị định số 04/2008/NĐ-CP.

Điều 15. Tư vấn lập quy hoạch

1. Việc lựa chọn tổ chức, chuyên gia tham gia tư vấn lập quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Các tổ chức, chuyên gia tư vấn lập quy hoạch chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng và tiến độ thực hiện dự án quy hoạch theo Hợp đồng đã ký với cơ quan lập quy hoạch.

3. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm phối hợp với tư vấn lập quy hoạch trong quá trình lập quy hoạch, đảm bảo tuân thủ đề cương, nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của dự án quy hoạch.

Điều 16. Báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược của dự án quy hoạch

1. Dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố phải lập báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi

trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm lập hoặc thuê tư vấn lập báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược trong quá trình lập quy hoạch.

2. Việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 17. Lấy ý kiến vào dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch phải gửi lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan liên quan vào dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch để hoàn thiện trước khi trình thẩm định, cụ thể:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố phải lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố lân cận và lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia.

b) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện phải lấy ý kiến các sở, ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận huyện lân cận (kể cả các quận huyện không thuộc địa giới Thành phố), lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia.

c) Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố phải lấy ý kiến của bộ quản lý ngành, các sở, ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân quận huyện có liên quan trên địa bàn Thành phố, lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia.

2. Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan nêu trên, cơ quan lập quy hoạch hoàn chỉnh nội dung, có báo cáo giải trình về việc tiếp thu chỉnh sửa hoặc không chỉnh sửa (nêu lý do). Gửi đầy đủ hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, có ý kiến về sự phù hợp mục tiêu, công trình trọng điểm, tính đồng bộ đối với quy mô, tiến độ, bước đi, thứ tự ưu tiên và khả năng đáp ứng nguồn lực cho quy hoạch.

3. Trên cơ sở ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan lập quy hoạch hoàn chỉnh nội dung và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 18. Thẩm quyền thẩm định quy hoạch

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để tổ chức thẩm định dự án quy hoạch.

Điều 19. Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai, trực tiếp và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về các kết luận thẩm định.

2. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố có thể thuê các tổ chức tư vấn, cá nhân có năng lực tham gia thẩm định các dự án quy hoạch.

Điều 20. Nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ trình thẩm định.

2. Có văn bản đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố số lượng, cơ cấu của Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV); dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (theo mẫu quy định tại Phụ lục V) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

3. Xây dựng, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định thông qua kế hoạch tổ chức thẩm định.

4. Gửi hồ sơ tới các thành viên Hội đồng thẩm định.

5. Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định.

6. Hướng dẫn cơ quan lập quy hoạch triển khai thực hiện kết luận của Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định lại (nếu có).

7. Dự thảo Báo cáo thẩm định.

8. Lập Tờ trình phê duyệt quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác thẩm định dự án quy hoạch theo phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Điều 21. Chuẩn bị hồ sơ và tổ chức thẩm định quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch;

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch (đã hoàn thiện sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan) được in trên giấy khổ A4, đóng quyển, trang phụ bì có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan lập quy hoạch và tổ chức tư vấn lập quy hoạch (nếu có);

c) Các báo cáo chuyên đề (ghi rõ tên tác giả), các bảng biểu số liệu (ghi rõ nguồn thông tin);

d) Hệ thống bản đồ bao gồm:

Đối với dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (của Thành phố, của 5 huyện): bản đồ hành chính; bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng; bản đồ hiện trạng và quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng chủ yếu, hệ thống đô thị và các điểm dân cư; bản đồ tổ chức lãnh thổ các hoạt động kinh tế - xã hội chủ yếu; bản đồ hiện trạng và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ bản đồ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố 1/250.000 và 1/100.000; tỷ lệ bản đồ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện 1/100.000 và 1/50.000.

Đối với dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố: Bản đồ hiện trạng và quy hoạch phân bố các cơ sở sản xuất kinh doanh chủ yếu của ngành; bản đồ tổng hợp về hiện trạng và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu. Tỷ lệ bản đồ 1/250.000 và 1/100.000.

đ) Các văn bản pháp lý có liên quan;

e) Quyết định phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí;

g) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược (nếu có);

h) Các văn bản (bản sao) đóng góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

i) Bản giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan đóng góp cho quy hoạch.

2. Số lượng tối thiểu bộ hồ sơ thẩm định quy hoạch quy định như sau:

a) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố: 15 bộ;

b) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện: 12 bộ;

c) Đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố: 12 bộ.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có thể yêu cầu cơ quan lập quy hoạch cung cấp thêm hồ sơ theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập quy hoạch.

Điều 22. Lấy ý kiến trong quá trình tổ chức thẩm định dự án quy hoạch

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ thẩm định dự án quy hoạch tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định dự án quy hoạch, các ủy viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Điều 23. Hợp thẩm định dự án quy hoạch

1. Hợp thẩm định dự án quy hoạch:

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định Kế hoạch tổ chức thẩm định dự án quy hoạch, Chương trình họp thẩm định dự án quy hoạch (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI, VII).

2. Điều kiện tiến hành họp thẩm định dự án quy hoạch:

a) Có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng thẩm định, một (01) Ủy viên phản biện và Ủy viên thường trực Hội đồng thẩm định;

b) Có đại diện của cơ quan lập quy hoạch và tư vấn lập quy hoạch (nếu có).

3. Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định việc mời đại biểu không phải là thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định dự án quy hoạch. Đại biểu được mời được tham gia ý kiến tại cuộc họp nhưng không được tham gia biểu quyết.

4. Các văn bản được thông qua tại cuộc họp thẩm định dự án quy hoạch bao gồm:

a) Biên bản phiên họp thẩm định dự án quy hoạch;

b) Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án quy hoạch của Hội đồng thẩm định;

c) Kết luận của Hội đồng thẩm định.

Điều 24. Biểu quyết đánh giá dự án quy hoạch của Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định biểu quyết đánh giá dự án quy hoạch bằng Phiếu biểu quyết đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch (theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII).

2. Kết quả đánh giá dự án quy hoạch được tổng hợp theo nguyên tắc sau:

a) Dự án quy hoạch được thông qua khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định, bỏ phiếu đồng ý thông qua.

Dự án quy hoạch phải chỉnh sửa, bổ sung khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.

b) Dự án quy hoạch không được thông qua khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý thông qua.

Điều 25. Xử lý đối với dự án quy hoạch sau phiên họp thẩm định

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp thẩm định dự án quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản kết luận của Hội đồng thẩm định cho cơ quan lập quy hoạch và phối hợp với cơ quan lập quy hoạch thực hiện một số nội dung sau:

1. Trường hợp dự án quy hoạch được thông qua không có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với cơ quan lập quy hoạch chuẩn bị hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

2. Trường hợp dự án quy hoạch được thông qua phải chỉnh sửa, bổ sung:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

Tiếp nhận hồ sơ dự án quy hoạch đã chỉnh sửa, bổ sung và gửi xin ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định (nếu Hội đồng thẩm định yêu cầu);

Nghiên cứu hồ sơ, tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có) và lập báo cáo trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định;

Trong trường hợp dự án quy hoạch chưa đáp ứng được yêu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu cơ quan lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ dự án quy hoạch.

b) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm:

Hoàn chỉnh hồ sơ dự án quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định;

Nộp hồ sơ dự án quy hoạch sau khi đã hoàn chỉnh cho đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch kèm theo văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định.

3. Trường hợp dự án quy hoạch không được thông qua, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu xây dựng lại quy hoạch;

b) Chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình lập và thẩm định lại dự án quy hoạch.

Điều 26. Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ dự án quy hoạch đã được cơ quan lập quy hoạch hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo thẩm định với những nội dung chính quy định tại Phụ lục IX và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phê duyệt.

2. Đối với các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch phải bao gồm cả ý kiến về các nội dung: Sự phù hợp về mục tiêu, công trình trọng điểm, tính đồng bộ đối với quy mô, tiến độ, bước đi, thứ tự ưu tiên và khả năng đáp ứng nguồn lực cho quy hoạch.

Điều 27. Lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án quy hoạch trước khi trình phê duyệt

1. Dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố phải lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định, cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa nội dung cho phù hợp và hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi lấy ý kiến.

2. Nội dung lấy ý kiến bao gồm: Sự phù hợp về mục tiêu, công trình trọng điểm, tính đồng bộ đối với quy mô, tiến độ, bước đi, thứ tự ưu tiên và khả năng đáp ứng nguồn lực cho quy hoạch.

3. Hồ sơ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xin ý kiến bao gồm:

a) Văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Báo cáo tổng hợp quy hoạch;

c) Hệ thống bản đồ, sơ đồ;

d) Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch;

đ) Bản giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan đóng góp cho quy hoạch (có bản sao các văn bản đóng góp ý kiến gửi kèm);

e) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (theo mẫu quy định tại Phụ lục X).

Điều 28. Trình Hội đồng nhân dân thành phố dự án Quy hoạch

1. Các dự án quy hoạch trước khi trình phê duyệt phải trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét quyết định bao gồm:

a) Dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố (đã có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Điều 27 của Quy định này).

b) Dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố (đã có ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch theo Điều 26 của Quy định này).

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân Thành phố gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt dự án quy hoạch;

c) Hệ thống bản đồ;

d) Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch;

đ) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về phê duyệt dự án quy hoạch.

3. Trường hợp dự án quy hoạch không được thông qua thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Quy định này.

Điều 29. Trình, phê duyệt quy hoạch

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố.

2. Trách nhiệm trình phê duyệt quy hoạch:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Hồ sơ trình phê duyệt dự án quy hoạch gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch đã được hoàn thiện, được in trên giấy khổ A4, đóng quyển, trang phụ bìa có chữ ký và con dấu của Thủ trưởng cơ quan lập quy hoạch và tổ chức tư vấn lập quy hoạch (nếu có);

- c) Hệ thống bản đồ, sơ đồ theo quy định;
- d) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo Đánh giá Môi trường Chiến lược (nếu có);
- đ) Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch;
- e) Văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Điều 27 của Quy định này;
- g) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về dự án quy hoạch theo Điều 28 của Quy định này;
- h) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố (theo mẫu quy định tại Phụ lục X); quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện (theo mẫu quy định tại Phụ lục XI).

Chương V

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Điều 30. Các trường hợp điều chỉnh quy hoạch

Quy hoạch được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

1. Có sự điều chỉnh về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước, quy hoạch tổng thể ở cấp cao hơn hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng lớn đến tính chất, chức năng, quy mô của lãnh thổ lập quy hoạch;
2. Hình thành các dự án trọng điểm có ý nghĩa quốc gia làm ảnh hưởng lớn đến sử dụng đất, môi trường, bố trí các công trình kết cấu hạ tầng;
3. Việc triển khai thực hiện quy hoạch gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và môi trường sinh thái, di sản văn hóa được xác định thông qua rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch và ý kiến cộng đồng;
4. Có sự biến động về điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn, quốc phòng, an ninh có ảnh hưởng tới mục tiêu, định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương;
5. Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện.

Điều 31. Các hình thức điều chỉnh quy hoạch

1. Điều chỉnh toàn diện quy hoạch:

a) Điều chỉnh toàn diện quy hoạch được tiến hành khi mục tiêu và phương hướng phát triển thay đổi. Thời hạn xem xét điều chỉnh toàn diện quy hoạch định kỳ năm (05) năm một lần, trừ trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh quy hoạch theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Điều chỉnh toàn diện quy hoạch phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và tính liên kết, đồng bộ với các quy hoạch có liên quan; bảo đảm tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư phát triển đang triển khai.

2. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

a) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch được tiến hành khi nội dung dự kiến điều chỉnh không ảnh hưởng đến mục tiêu và phương hướng phát triển, nội dung và phương án tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển đã được phê duyệt;

b) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phải xác định rõ phạm vi, mức độ, nội dung điều chỉnh; bảo đảm tính liên tục, đồng bộ của quy hoạch, tính liên kết với các quy hoạch khác có liên quan, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến việc phải điều chỉnh; hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của việc điều chỉnh; các giải pháp khắc phục những phát sinh do điều chỉnh quy hoạch gây ra.

Điều 32. Đề xuất điều chỉnh quy hoạch**1. Thẩm quyền đề xuất điều chỉnh:**

a) Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh đối với dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

b) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân của 5 huyện đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh đối với các dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Nội dung đề xuất điều chỉnh bao gồm:

a) Lý do điều chỉnh quy hoạch;

b) Dự kiến nội dung điều chỉnh;

c) Dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh quy hoạch.

3. Chấp thuận đề xuất điều chỉnh quy hoạch: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cho phép việc điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện. Việc chấp thuận cho phép điều chỉnh quy hoạch được thông báo bằng văn bản.

Điều 33. Thực hiện điều chỉnh toàn diện quy hoạch

1. Trình tự điều chỉnh toàn diện dự án quy hoạch được thực hiện như một dự án quy hoạch mới tại Quy định này.

2. Cơ quan lập quy hoạch phải lập báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc điều chỉnh quy hoạch.

Điều 34. Thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch gửi hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch tới Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

2. Hồ sơ xin ý kiến thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch gồm:

a) Văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh quy hoạch theo Khoản 3, Điều 32 của Quy định này;

b) Dự thảo tờ trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

c) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

d) Hệ thống bản đồ, sơ đồ minh họa việc điều chỉnh quy hoạch.

3. Tổng hợp ý kiến và hoàn chỉnh quy hoạch điều chỉnh cục bộ: Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp và phối hợp với cơ quan lập quy hoạch hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

Điều 35. Trình, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch

1. Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện.

2. Trách nhiệm trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

b) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được hoàn thiện, được in trên giấy khổ A4, đóng quyển, trang phụ bì có chữ ký và con dấu của Thủ trưởng Cơ quan trình phê duyệt, quy hoạch và tổ chức tư vấn lập quy hoạch (nếu có);

c) Hệ thống bản đồ, sơ đồ minh họa việc điều chỉnh quy hoạch;

d) Giải trình về việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (có bản sao các văn bản đóng góp ý kiến gửi kèm);

đ) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố theo Điều 28 của Quy định;

e) Dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố (theo mẫu quy định tại Phụ lục XII); quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII).

Chương VI

CÔNG BỐ QUY HOẠCH

Điều 36. Các hình thức công bố quy hoạch

Việc công bố công khai quy hoạch (trừ quy hoạch có nội dung bí mật không được công bố theo quy định của pháp luật) được thực hiện theo một hoặc một số hình thức như sau:

1. Tổ chức hội nghị, hội thảo, họp báo công bố quy hoạch có sự tham gia của đại diện các tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc, đại diện nhân dân, các cơ quan thông tấn báo chí.

2. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí, các website chính thức của các cơ quan quản lý quy hoạch.

3. In ấn dưới hình thức sách hoặc đĩa để phát hành rộng rãi nội dung Quy hoạch và hệ thống các bản đồ quy hoạch, các quy định về quản lý triển khai quy hoạch (nếu có).

Điều 37. Nội dung công bố quy hoạch

Nội dung công bố, công khai dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm:

1. Văn bản quyết định phê duyệt quy hoạch;
2. Các bản đồ quy hoạch;
3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (tên dự án, vị trí xây dựng; quy mô/công suất; dự kiến tiến độ...).

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 38. Tổ chức thực hiện**

1. Những dự án quy hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí trước ngày 15 tháng 12 năm 2013 tiếp tục thực hiện theo các hướng dẫn trước đây.

2. Những dự án quy hoạch chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí từ thời điểm ngày 15 tháng 12 năm 2013 trở về sau thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định này.

3. Cục Thống kê Thành phố có trách nhiệm hướng dẫn việc áp dụng công thức tính Chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm tính toán so với tháng 02 năm 2012 quy định tại Phụ lục II.

4. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân của 5 huyện và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai công tác quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của mình theo Quy định này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn. Nếu vượt quá thẩm quyền, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHỤ LỤC I**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm (1)

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí
dự án quy hoạch...(2)...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số .../2015/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của quy hoạch ... (2);

Xét đề nghị của ... (3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án quy hoạch: ... (2) ...
 2. Cơ quan lập quy hoạch: ...
 3. Mục tiêu, yêu cầu của dự án quy hoạch:....
 4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch:
 5. Nhiệm vụ của dự án quy hoạch:
 6. Sản phẩm của dự án quy hoạch ... (báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề, hệ thống bản đồ ...).
 7. Dự toán kinh phí thực hiện: ... (bằng số và chữ).
 8. Tiến độ thực hiện: ...
- (Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí gửi kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

-.....;
-.....;
-Lưu:

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Năm phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.
- (2) Tên quy hoạch.
- (3) Cơ quan lập quy hoạch (trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí).

PHỤ LỤC II
XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG TẠI THỜI ĐIỂM TÍNH TOÁN SO VỚI
THÁNG 02 NĂM 2012

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm tính toán (tháng t, năm n) so với tháng 2 năm 2012 (thời điểm Thông tư số 01/2012/TT-BKH có hiệu lực) được tính bằng phương pháp nhân liên hoàn chỉ số giá tiêu dùng từng tháng so với tháng trước như sau:

$CPI_{\text{tháng } t \text{ năm } n \text{ so với tháng } 2/2012} = CPI_{\text{tháng } 3 \text{ năm } 2012 \text{ so với tháng trước}} \times CPI_{\text{tháng } 4 \text{ năm } 2012 \text{ so với tháng trước}} \dots \times CPI_{\text{tháng } 12 \text{ năm } 2012 \text{ so với tháng trước}} \times CPI_{\text{tháng } 1 \text{ năm } 2013 \text{ so với tháng trước}} \dots \times CPI_{\text{tháng } t \text{ năm } n \text{ so với tháng trước}}$

Trong đó:

$CPI_{\text{tháng } t \text{ năm } n \text{ so với tháng } 2/2012}$: Chỉ số giá tiêu dùng tháng t năm n tại thời điểm lập dự toán so với tháng 2 năm 2012.

PHỤ LỤC III
HỆ SỐ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC
VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên ngành, lĩnh vực và sản phẩm	Qn
I	Kết cấu hạ tầng	
1	Kết cấu hạ tầng giao thông	
1.1	Hệ thống Hạ tầng giao thông chung	0.35
1.2	Hệ thống Đường bộ	0.25
1.3	Hệ thống Đường sắt	0.25
1.4	Hệ thống Cảng sông	0.25
1.5	Hệ thống Cảng biển	0.25
1.6	Hệ thống Cảng hàng không và sân bay	0.20
2	Kết cấu hạ tầng năng lượng	
2.1	Hệ thống hạ tầng năng lượng chung	0.35
2.2	Mạng cung ứng điện (nhà máy phát điện; mạng lưới truyền tải điện; trạm biến áp; phân phối điện địa phương)	0.35
2.3	Hệ thống cung ứng khí đốt	0.25
2.4	Hệ thống cung ứng xăng, dầu	0.25
2.5	Khai thác, chế biến than	0.25
3	Kết cấu hạ tầng quản lý nước	
3.1	Hệ thống dự trữ nước ngọt cấp vùng	0.20
3.2	Hệ thống kiểm soát lũ lụt	0.20
3.3	Hệ thống tưới tiêu	0.20
3.4	Hệ thống thoát nước	0.20
4	Kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông	
4.1	Hạ tầng viễn thông	0.20
4.2	Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	0.20
4.3	Hệ thống bưu cục	0.18
4.4	Hệ thống mạng điện thoại cố định	0.16

4.5	Hệ thống mạng điện thoại di động	0.16
4.6	Hệ thống phát thanh và truyền hình	0.14
4.7	Hệ thống truyền hình	0.12
4.8	Hệ thống mạng Internet	0.12
5	<i>Kết cấu hạ tầng xử lý chất thải rắn; chất thải nguy hại</i>	0.15
6	<i>Hệ thống quan trắc và đo lường địa cầu</i>	
6.1	Hệ thống quan trắc thời tiết	0.10
6.2	Hệ thống quan trắc thủy triều	0.10
6.3	Hệ thống quan trắc địa chấn	0.10
7	<i>Kết cấu hạ tầng tài chính</i>	0.10
8	<i>Kết cấu hạ tầng sản xuất</i>	
8.1	Hệ thống các khu công nghiệp; hệ thống các khu kinh tế; khu chế xuất; Khu Công nghệ cao; Cụm Công nghiệp	0.30
8.2	Các mỏ đang khai thác và nhà máy chế biến quặng	0.13
8.3	Khu vực canh tác nông nghiệp, rừng, thủy hải sản	0.20
9	<i>Kết cấu hạ tầng xã hội</i>	
9.1	Hệ thống chăm sóc sức khỏe (bệnh viện và bảo hiểm y tế; hệ thống y tế cộng đồng và phòng dịch)	0.15
9.2	Hệ thống hạ tầng giáo dục đào tạo (trường phổ thông; trường dạy nghề; trường trung cấp; trường cao đẳng; trường đại học; học viện)	0.15
9.3	Mạng lưới cơ sở dạy nghề	0.15
9.4	Hệ thống phúc lợi xã hội quốc gia	0.10
9.5	Hoạt động bảo trợ xã hội	0.10
9.6	Hệ thống tổ chức hoạt động giới thiệu việc làm	0.10
II	Sản xuất kinh doanh	
1	Công nghiệp	0.31
1.1	Sản xuất điện	0.30
1.2	Cơ khí chế tạo	0.18
1.3	Luyện kim	0.15
1.4	Hóa chất	0.15
1.4.1	Phân bón	0.10

1.5	Dược	0.10
1.6	Rượu	0.12
1.7	Bia	0.12
1.8	Sữa, sản phẩm dinh dưỡng có sữa	0.10
1.9	Dệt may	0.12
1.10	Da giày	0.10
1.11	Hương liệu - mỹ phẩm	0.10
1.12	Sành sứ, thủy tinh	0.10
1.13	Vật liệu xây dựng	0.12
1.14	Cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng	0.15
2	Nông nghiệp	0.30
2.1	Trồng trọt	0.17
2.2	Chăn nuôi	0.12
3	Thủy, hải sản	0.15
4	Lâm nghiệp	0.13
5	Thương mại	0.15
6	Vận tải	0.15
7	Du lịch	0.15
8	Karaoke, vũ trường	0.10
9	Dịch vụ xoa bóp	0.15
10	Y tế	0.15
11	Tài chính	0.10
12	Ngân hàng	0.10
13	Văn hóa	0.13
14	Báo chí, xuất bản	0.10
15	Quảng cáo	0.08
16	Thông tin - truyền thông	0.15
17	Công nghiệp công nghệ thông tin	0.13
18	Công nghệ thông tin	0.13
19	Tư pháp	0.08
20	Phòng cháy chữa cháy	0.08

21	Quốc phòng - An ninh	0.08
22	Thể dục thể thao	0.10
23	Khoa học - Công nghệ	0.08
24	Tài nguyên và môi trường	0.12
25	Giáo dục và đào tạo	0.15
III	Đối với các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực không nằm trong phụ lục, tùy theo từng thời kỳ sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định	
IV	Sản phẩm chủ yếu (theo quyết định ban hành danh mục cho từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội)	0.10

PHỤ LỤC IV

SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN TỐI THIỂU, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

<i>Loại quy hoạch</i>	<i>Số lượng thành viên tối thiểu</i>	<i>Thành phần tham gia</i>	<i>Cơ cấu</i>
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố	Mười một (11)	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Lãnh đạo các sở, ngành của Thành phố. - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận huyện. - Đại diện một số hội nghề nghiệp có liên quan và chuyên gia quy hoạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; - Hai (02) ủy viên phản biện là chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, khoa học, môi trường và có kinh nghiệm trong công tác quy hoạch với ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học; hai (02) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ; một (01) năm nếu có bằng tiến sỹ; - Một (01) Ủy viên thường trực Hội đồng là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Một (01) Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính; - Các ủy viên Hội đồng.
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 5 huyện	Chín (09)	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện của Bộ Công an và Bộ Tư lệnh Quân khu 7. - Đại diện một số sở, ngành của Thành phố (Lãnh đạo cấp Phòng trở lên). - Đại diện lãnh đạo một số phòng ban chức năng của huyện. - Đại diện một số hội nghề nghiệp có liên quan và chuyên gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; - Hai (02) ủy viên phản biện là chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, khoa học, môi trường và có kinh nghiệm trong công tác quy hoạch; - Một (01) Ủy viên thường trực Hội đồng là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Một (01) Ủy viên Hội đồng là Lãnh đạo Sở Tài chính; - Các ủy viên Hội đồng.

		quy hoạch.	
Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố	Chín (09)	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện của Bộ Công an và Bộ Tư lệnh Quân khu 7. (Đối với những quy hoạch liên quan đến quốc phòng, an ninh). - Đại diện một số sở, ngành chức năng liên quan của Thành phố. - Đại diện Ủy ban nhân dân quận huyện (tùy thuộc vào tầm quan trọng của dự án quy hoạch, không nhất thiết phải có đầy đủ đại diện các quận huyện trên địa bàn Thành phố). - Đại diện một số hội nghề nghiệp có liên quan và chuyên gia am hiểu lĩnh vực có liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; - Tối thiểu hai (02) ủy viên phản biện, có trình độ đại học trở lên về chuyên môn có liên quan đến ngành, lĩnh vực, sản phẩm được quy hoạch và có kinh nghiệm trong công tác quy hoạch với ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm nếu có bằng đại học; hai (02) năm kinh nghiệm nếu có bằng thạc sỹ; một (01) năm nếu có bằng tiến sỹ; - Một (01) Ủy viên thường trực Hội đồng là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Một (01) Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính; - Các ủy viên Hội đồng.

PHỤ LỤC V
MẪU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm (1)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập hội đồng thẩm định dự án quy hoạch ... (2) ...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ;

Căn cứ Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản

phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số .../SKHĐT-... ngày...tháng...năm...(1)... về thành lập Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch...(2)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ... (2)... gồm các Ông (Bà) có tên dưới đây (ghi rõ họ tên, cơ quan công tác, chức vụ, chức danh trong Hội đồng)

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng.

Điều 3. Kinh phí hoạt động.

Điều 4. Hội đồng thẩm định quy hoạch ... (2) ... làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định..../.

Nơi nhận:

-.....;
-.....;
-Lưu:

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Năm thành lập Hội đồng thẩm định.
- (2) Tên dự án quy hoạch.

PHỤ LỤC VI**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Kế hoạch tổ chức thẩm định dự án quy hoạch gồm các nội dung như sau:

1. Về chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cho phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định.
2. Về các hoạt động cần triển khai thực hiện trước phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định.
3. Về điều kiện tiến hành phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định.
4. Về kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định.

PHỤ LỤC VII
CHƯƠNG TRÌNH HỌP THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Cuộc họp thẩm định dự án quy hoạch được tiến hành theo các bước chủ yếu như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định khai mạc cuộc họp.
2. Ủy viên thường trực Hội đồng thẩm định đọc quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, giới thiệu thành phần tham dự và báo cáo tóm tắt ý kiến của đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch về hồ sơ dự án quy hoạch.
3. Các thành viên Hội đồng thẩm định và các đại biểu tham dự phiên họp nêu ý kiến về thành phần Hội đồng và hồ sơ dự án.
4. Đại diện có thẩm quyền của cơ quan lập quy hoạch hoặc tổ chức tư vấn được cơ quan lập quy hoạch ủy quyền trình bày tóm tắt nội dung dự án quy hoạch.
5. Các ủy viên phản biện trình bày bản nhận xét, đánh giá về dự án quy hoạch.
6. Các ủy viên Hội đồng thẩm định và các đại biểu tham dự phiên họp đóng góp ý kiến về nội dung quy hoạch.
7. Ủy viên thường trực hội đồng đọc bản nhận xét của các ủy viên vắng mặt; Báo cáo kết quả thẩm định Đánh giá Môi trường Chiến lược (ĐMC) (đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố); Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và ý kiến tham luận tại các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến thẩm định (nếu có).
8. Đại diện cơ quan lập quy hoạch hoặc tổ chức tư vấn có ý kiến giải trình.
9. Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đánh giá dự án quy hoạch (Ủy viên thường trực Hội đồng thẩm định phát Phiếu đánh giá dự án quy hoạch theo mẫu tại Phụ lục VIII với số lượng phiếu bằng số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự họp thẩm định).
10. Hội đồng thông qua các văn bản:
 - a) Biên bản họp thẩm định dự án quy hoạch;
 - b) Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án quy hoạch của Hội đồng thẩm định;
 - c) Kết luận của Hội đồng thẩm định.
11. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc phiên họp.

PHỤ LỤC VIII
MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...(1)*
QUY HOẠCH ...(2)...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Của thành viên Hội đồng thẩm định Dự án quy hoạch ...(2) ...

Họ và tên người đánh giá:

Chức vụ:

Chức danh trong Hội đồng:..... (theo Quyết định thành lập
Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch ... (2)..... số ngày tháng năm của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Ý KIẾN BIỂU QUYẾT ĐÁNH GIÁ

1. Nhất trí thông qua dự án quy hoạch không cần chỉnh sửa bổ sung:

2. Thông qua dự án quy hoạch với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

Các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung:

.....

3. Không thông qua dự án quy hoạch:

Lý do không thông qua:.....

4. Kiến nghị đối với các cơ quan có liên quan, đơn vị tư vấn lập quy hoạch,
đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch và Người phê duyệt quy hoạch (nếu có):

.....

Ghi chú:

(1) Năm họp thẩm định dự án quy hoạch.

(2) Tên dự án quy hoạch.

NGƯỜI BIỂU QUYẾT

ĐÁNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC IX
NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO THẨM ĐỊNH DỰ ÁN QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Báo cáo thẩm định dự án quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

Phần chung: Giới thiệu tóm tắt về căn cứ thẩm định quy hoạch và quá trình triển khai công tác thẩm định.

I. Tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch

1. Nhận xét về hồ sơ trình thẩm định quy hoạch

2. Tính pháp lý của hồ sơ quy hoạch

II. Tóm tắt ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan

III. Tóm tắt nội dung của quy hoạch

IV. Nhận xét, đánh giá của Hội đồng thẩm định

1. Về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, độ tin cậy của các số liệu sử dụng để lập quy hoạch.

2. Sự phù hợp của quy hoạch với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước, các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các cấp và quy hoạch phát triển các ngành và lĩnh vực có liên quan.

3. Về các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của quy hoạch.

4. Tính thống nhất của quy hoạch với các quy hoạch khác liên quan.

5. Về các giải pháp thực hiện quy hoạch.

6. Về các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư.

V. Các kiến nghị, đề xuất.

VI. Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư về sự phù hợp về mục tiêu, công trình trọng điểm, tính đồng bộ đối với quy mô, tiến độ, bước đi, thứ tự ưu tiên và khả năng đáp ứng nguồn lực cho quy hoạch.

PHỤ LỤC X
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm (1)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch ...(2)...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch (quy hoạch điều chỉnh).....(2) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

b) Mục tiêu cụ thể

3. Nội dung quy hoạch

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. (Trường hợp quy hoạch điều chỉnh: và thay thế Quyết định số).

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

-.....;

-.....;

-Lưu:

THỦ TƯỚNG
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC

Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng năm (1) của Thủ tướng Chính phủ)*

Ghi chú:

(1) Năm phê duyệt quy hoạch.

(2) Tên dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố.

PHỤ LỤC XI
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm (1)

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quy hoạch...(2) ...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ;

Căn cứ Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số .../ (3) /NQ-HĐND ngày tháng năm của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thông qua dự án quy hoạch...(2)...;

Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của Ủy

ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số .../TTr-SKHĐT... ngày tháng năm về phê duyệt dự án quy hoạch...(2)...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch (quy hoạch điều chỉnh)... (2)... với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển
2. Mục tiêu phát triển
 - a) Mục tiêu tổng quát
 - b) Mục tiêu cụ thể
3. Nội dung quy hoạch
4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư
5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. (Trường hợp quy hoạch điều chỉnh: và thay thế Quyết định số).

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

-.....;

-.....;

-Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC

Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND
ngày ... tháng .. năm (1) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Ghi chú:

- (1) Năm phê duyệt quy hoạch.
- (2) Tên dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của Thành phố và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- (3) Năm thông qua dự án quy hoạch.

PHỤ LỤC XII
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm (1)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch ...(2) ...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch ...(2)... với các nội dung sau:

.....

Điều 2.

Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quyết định số ...(3) ... ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định...../.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

THỦ TƯỚNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Năm phê duyệt quy hoạch.
- (2) Tên dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.
- (3) Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt quy hoạch.

PHỤ LỤC XIII**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm (1)

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch ...(2) ...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ;

Căn cứ Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản

phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số .../ (4) /NQ-HĐND ngày tháng năm của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thông qua điều chỉnh cục bộ dự án quy hoạch...(2)...;

Căn cứ Quyết định số .../2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và định mức chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số .../TTr-SKHĐT... ngày...tháng...năm... về phê duyệt điều chỉnh cục bộ dự án quy hoạch...(2)...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch ...(2)... với các nội dung sau:

.....

Điều 2.

Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quyết định số ...(3) ...ngày ... tháng ... năm ... và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định...../.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Năm phê duyệt quy hoạch.
- (2) Tên dự án quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Thành phố và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- (3) Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt quy hoạch.
- (4) Năm thông qua điều chỉnh cục bộ dự án quy hoạch.

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3273/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo
nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2984/TTr-SYT ngày 14 tháng 5 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1981/TTr-SNV ngày 09 tháng 6 năm 2015 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thủ

trường các sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Căn cứ Quyết định số 3738/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015;

Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố năm 2015 như sau:

I. MỤC TIÊU

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu của Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Thành phố.

- Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là nhân lực trẻ có chất lượng cao, gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ sự phát triển của Thành phố. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động khám, chữa bệnh.

II. NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

1.1. Triển khai Đề án thí điểm mô hình Viện - Trường Y tế giữa Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và Bệnh viện Nhân dân 115 theo Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa nghiệp vụ sư phạm y học cơ bản cho khoảng 100 công chức, viên chức là cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và Bệnh viện Nhân dân 115.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và Bệnh viện Nhân dân 115.

Tổng kinh phí dự tính: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo.

1.2. Đào tạo định hướng chuyên khoa sau đại học cho khoảng 180 bác sĩ tốt nghiệp tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được phân công công tác về tuyến Y tế cơ sở; thời gian học 10 tháng, gồm các chuyên ngành: Sản phụ khoa, Nhi khoa, Ngoại tổng quát, Bác sĩ Gia đình, ...

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành của Thành phố.

Tổng kinh phí dự tính: 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo.

1.3. Đào tạo nâng chuẩn trình độ chuyên môn sau đại học theo quy hoạch của ngành và theo nhu cầu của đơn vị, cá nhân cho 500 cán bộ Y tế; gồm các trình độ: tiến sĩ, thạc sĩ, chuyên khoa II, chuyên khoa I; với các chuyên ngành: Sản phụ khoa, Nhi khoa, Chấn thương chỉnh hình, Dược lâm sàng, Quản lý dược, Quản lý Y tế, Y tế công cộng, Y học dự phòng, Tai Mũi Họng, Mắt, Da liễu, Tâm thần, Răng Hàm Mặt, Hành chính công, Luật, Công nghệ thông tin, Tài chính kế toán...

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo.

Tổng kinh phí dự tính: 16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng; nguồn kinh phí từ các đơn vị cử người đi học và bản thân người học đóng góp.

1.4. Đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học cho 300 cán bộ Y tế, với các chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng hộ sinh, Cử nhân Y tế công cộng...

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo.

Tổng kinh phí dự tính: 8.100.000.000 (tám tỷ một trăm triệu) đồng; nguồn kinh phí từ các đơn vị cử người đi học và bản thân người học đóng góp.

1.5. Tiếp tục hoàn thành chương trình đào tạo hợp đồng theo địa chỉ sử dụng cho 70 sinh viên đại học hệ chính quy và 02 sinh viên hệ liên thông từ trung cấp lên đại học.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng kinh phí dự tính: 2.160.000.000 (hai tỷ một trăm sáu mươi triệu) đồng, ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo, 50% kinh phí còn lại do bản thân người học đóng góp.

1.6. Tiếp tục thực hiện Chương trình đào tạo 300 tiến sĩ, thạc sĩ ngành Y, Dược Thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo Công văn số 3860/UBND-VX ngày 04 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực ngành Y tế Thành phố giai đoạn 2011 - 2015; tổng chỉ tiêu đào tạo là 139 chỉ tiêu (trong đó tuyển mới là 64 chỉ tiêu, năm trước chuyển sang 75 chỉ tiêu).

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các sở - ngành liên quan và các trường, cơ sở đào tạo.

Tổng kinh phí dự tính: 3.080.000.000 (ba tỷ tám mươi triệu) đồng; ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo với mức hỗ trợ tối đa theo quy định tại Công văn số 3680/UBND-VX ngày 04 tháng 8 năm 2011.

1.7. Đào tạo nâng chuẩn về trình độ chuyên môn Bác sĩ chuyên khoa II, ngành Quản lý Y tế, cho 30 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý là Giám đốc, Phó Giám đốc; Trưởng, Phó khoa, phòng các cơ sở Y tế công lập từ Thành phố đến quận, huyện theo tiêu chuẩn chức danh đang đảm nhiệm.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Tổng kinh phí dự tính: 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, (đào tạo theo diện ngân sách nhà nước).

1.8. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý kinh tế - tài chính, quản lý bệnh viện cho khoảng 200 công chức, viên chức là lãnh đạo Sở Y tế; Trưởng, phó các phòng chức năng thuộc Sở; lãnh đạo các cơ sở Y tế công lập và ngoài công lập để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế và của ngành (trong đó 10 chỉ tiêu là công chức lãnh đạo, quản lý của Sở Y tế và 190 chỉ tiêu còn lại là viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ sở Y tế công lập và ngoài công lập).

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo.

Tổng kinh phí dự tính: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; đối tượng là công chức: kinh phí đào tạo do ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo; đối tượng khác: do đơn vị cử người đi học và bản thân người học đóng góp.

1.9. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chăm sóc cho khoảng 300 viên chức là Điều dưỡng trưởng, Kỹ thuật viên trưởng, Hộ sinh trưởng tại các cơ sở Y tế công lập và ngoài công lập.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo.

Tổng kinh phí dự tính: 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng; nguồn kinh phí từ các đơn vị cử người đi học và bản thân người học đóng góp.

1.10. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý trạm Y tế tuyến cơ sở cho khoảng 400 viên chức quản lý là Trưởng, Phó trạm Y tế.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

Tổng kinh phí dự tính: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng; ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo.

1.11. Bồi dưỡng kiến thức y khoa liên tục, kỹ năng chuyên ngành hàng năm cho khoảng 50.000 cán bộ Y tế đang làm việc tại cơ sở Y tế công lập và ngoài công lập thuộc Sở Y tế quản lý; hình thức bồi dưỡng: hội thảo khoa học, sinh hoạt khoa học kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng ngắn hạn,...

Đơn vị thực hiện: các đơn vị sự nghiệp Y tế công lập và ngoài công lập, các cơ sở đào tạo liên tục trực thuộc Sở Y tế, các Hội nghề nghiệp (Hội Y học, Hội Dược học, Hội Y tế công cộng, Hội Đông Y...).

1.12. Đào tạo bổ sung kiến thức, đào tạo lại cho khoảng 2.000 học sinh tốt nghiệp tại các trường Trung cấp Y tế ngoài công lập.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình và các cơ sở đào tạo.

Tổng kinh phí dự tính: 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng; kinh phí từ bản thân người học đóng góp.

1.13. Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa nghiệp vụ Sư phạm Y học cơ bản cho khoảng 200 công chức, viên chức là cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên cho công tác đào tạo liên tục đối với cán bộ Y tế (trong đó 10 chỉ tiêu là công chức Sở Y tế tham gia công tác giảng dạy và 190 chỉ tiêu còn lại là công chức, viên chức các cơ sở Y tế công lập tham gia công tác giảng dạy).

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Tổng kinh phí dự tính: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng; đối tượng là công chức tham gia công tác giảng dạy; kinh phí đào tạo do ngân sách Thành phố hỗ trợ

100% kinh phí đào tạo; đối tượng khác: do đơn vị cử người đi học và bản thân người học đóng góp.

2. Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:

2.1. Sở Y tế phối hợp với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và các Sở - ngành liên quan triển khai thực hiện Chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa theo chương trình tiên tiến của Mainz, cho sinh viên y khoa Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, tiến tới đào tạo trình độ sau đại học theo tiêu chuẩn châu Âu, nhằm bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lĩnh vực Y tế.

2.2. Tiếp tục cử bác sĩ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài và hợp tác quốc tế phục vụ cho việc ứng dụng kỹ thuật cao, tiếp thu kỹ thuật mới, hiện đại của thế giới theo định hướng phát triển chuyên môn sâu của đơn vị, phù hợp với quy hoạch của ngành.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các sở - ngành liên quan, các đơn vị sự nghiệp Y tế công lập và ngoài công lập.

2.3. Cử khoảng 1.000 cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn và dài hạn, hội nghị, hội thảo khoa học ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác quốc tế, tài trợ học bổng của nước bạn và Trung ương như: Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ của Thành phố, Chương trình FFI của Pháp, Chương trình nâng cao năng lực Y tế dự phòng của Tổ chức Y tế thế giới, Chương trình hợp tác quốc tế Việt - Bỉ,..

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các sở - ngành liên quan, các đơn vị sự nghiệp Y tế công lập và ngoài công lập.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được trích từ nguồn ngân sách của Thành phố, các dự án viện trợ của nước ngoài, nguồn ngân sách hoạt động của đơn vị cử công chức, viên chức đi học và bản thân người học đóng góp.

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch: 40.360.000.000 (bốn mươi tỷ ba trăm sáu mươi triệu) đồng. Trong đó:

- Nguồn ngân sách của Thành phố: 6.750.000.000 (sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng.

- Nguồn ngân sách hoạt động của đơn vị cử công chức, viên chức đi học, các dự án viện trợ của nước ngoài, các Bộ - ngành Trung ương và bản thân người học đóng

góp: 33.610.000.000 (ba mươi ba tỷ sáu trăm mười triệu) đồng.

(Đính kèm Bảng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố năm 2015).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở - ngành liên quan và các cơ sở đào tạo của Thành phố triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố năm 2015.

- Phối hợp với Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch thực hiện Đề án thí điểm mô hình Viện - Trường Y tế của Thành phố, Đề án hợp tác với Philippines đào tạo Cử nhân Điều dưỡng chất lượng cao; Phối hợp với các sở - ngành liên quan thực hiện chương trình đào tạo 300 tiến sĩ, thạc sĩ ngành Y, Dược Thành phố.

- Thực hiện báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố năm 2015 và giai đoạn 2011 - 2015;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

2. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện Kế hoạch chương trình nhánh đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế của Thành phố năm 2015.

- Bố trí kinh phí và hướng dẫn Sở Y tế thực hiện tốt Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Y tế Thành phố năm 2015.

3. Các Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

4. Các đơn vị sự nghiệp Y tế công lập thuộc Thành phố:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, rà soát và cử công chức, viên chức đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo đúng đối tượng và chuyên ngành được đào tạo, huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện tốt các nội dung của chương trình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, lãnh đạo các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Y tế và Sở Nội vụ) để chỉ đạo, giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NHÁNH ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC
CHO NGÀNH Y TẾ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung thực hiện	Thuyết minh	Nguồn kinh phí		Tổng kinh phí năm 2015	Ghi chú
			NSNN	Nguồn khác		
1. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC						
1.1.	Triển khai thực hiện Đề án thí điểm mô hình Viện - Trường Y tế. Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa nghiệp vụ sư phạm cho 100 CCVC là cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và Bệnh viện Nhân dân 115	2.000.000 x 100 người	200	0	200	Thực hiện theo Quyết định số 4884/QĐ-UBND
1.2.	Đào tạo định hướng chuyên khoa sau đại học cho khoảng 180 bác sĩ tốt nghiệp tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được phân công công tác về tuyến y tế cơ sở.	16.666.000 x 180 người	3.000	0	3.000	Thực hiện theo Văn bản số 3237/UBND-VX
1.3.	Đào tạo nâng chuẩn trình độ chuyên môn sau đại học theo quy hoạch của ngành và theo nhu cầu của đơn vị, cá nhân cho 500 cán bộ y tế.	32.000.000 x 500 người	0	16.000	16.000	Quyết định số 578/QĐ-ĐHYD-TCKT
1.4.	Đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học cho 300 cán bộ y tế, với các chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa, Dược sĩ, Bác	27.000.000 x 300 người	0	8.100	8.100	Quyết định số 578/QĐ-ĐHYD-TCKT

	sĩ YHCT...					
1.5.	Tiếp tục hoàn thành chương trình đào tạo hợp đồng theo địa chỉ sử dụng cho 70 sinh viên đại học hệ chính và 02 sinh viên hệ liên thông.	30.000.000 x 72 người	0	2.160	2.160	Đã được ghi vào kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước của Thành phố năm 2015.
1.6.	Tiếp tục thực hiện Chương trình đào tạo 300 tiến sĩ, thạc sĩ y, dược Thành phố, tổng chỉ tiêu đào tạo là 139 chỉ tiêu.	30.000.000 x 30 tiến sĩ 20.000.000 x 109 thạc sĩ	3.080	0	3.080	Thực hiện theo Văn bản số 3860/UBND-VX
STT	Nội dung thực hiện	Thuyết minh	Nguồn kinh phí		Tổng kinh phí năm 2015	Ghi chú
			NSNN	Nguồn khác		
1.7.	Đào tạo nâng chuẩn về trình độ chuyên môn Bác sĩ chuyên khoa II, ngành Quản lý Y tế cho 30 CC-VC lãnh đạo, quản lý là Giám đốc, Phó Giám đốc,	30.000.000 x 30 người	0	900	900	Đã được ghi vào kinh phí đào tạo của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
1.8.	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý kinh tế - tài chính, quản lý bệnh viện cho khoảng 200 CC-VC là lãnh đạo Sở Y tế; Trưởng, phó các phòng chức năng thuộc Sở; lãnh đạo các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.	5.000.000 x 10 công chức 5.000.000 x 190 viên chức	50	950	1.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC
1.9.	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chăm sóc cho khoảng 300 viên chức là Điều dưỡng trưởng, Hộ sinh trưởng, ...	5.000.000 x 300 người	0	1.500	1.500	Thông báo 1239/TB-ĐDKTYH
1.10.	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý trạm y tế tuyến cơ sở cho khoảng 400 viên chức quản lý là trưởng, phó TYT.	1.000.000 x 400 người	400	0	400	Thông tư 123/2009/TT-BTC Thông tư 139/2010/TT-

						BTC
1.11.	Bồi dưỡng kiến thức y khoa liên tục, kỹ năng chuyên ngành hàng năm cho khoảng 50.000 cán bộ y tế.		0	0	0	
1.12.	Đào tạo, bổ sung kiến thức, đào tạo lại cho khoảng 2.000 học sinh tốt nghiệp các trường TC y tế ngoài công lập.	2.000.000 x 2.000 người	0	4.000	4.000	Thông tư 139/2010/TT-BTC
1.13.	Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa nghiệp vụ sư phạm y học cơ bản cho 200 CC-VC là cb quản lý và đội ngũ giảng viên cho công tác đào tạo liên tục.	2,000.000 x 10 công chức 2,000.000 x 190 viên chức	20	380	400	Theo Văn bản số 1671/ĐHYPNT-SĐH
TỔNG KINH PHÍ DỰ TÍNH:			6.750	33.610	40.360	

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch: 40.360 triệu đồng (Bốn mươi tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng). Trong đó:

+ Nguồn ngân sách của Thành phố: **6.750 triệu đồng** (Sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng)

+ Nguồn ngân sách hoạt động của đơn vị cử công chức, viên chức đi học; các Bộ-ngành Trung ương, Thành phố; các dự án viện trợ của nước ngoài và bản thân người học đóng góp (nguồn khác): **33.610 triệu đồng** (Ba mươi ba tỷ sáu trăm mười triệu đồng).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3301/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016;

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh 5 năm, giai đoạn 2011- 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 6380/TTr-SKHĐT-KT ngày 03 tháng 7 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của
Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường
kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia giai đoạn 2015 - 2016
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

Những năm gần đây (2007 - 2014), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được Chính phủ và chính quyền các địa phương quan tâm nghiên cứu, thực hiện được xem như thước đo chất lượng điều hành kinh tế - xã hội trong công cuộc cải cách hành chính của từng địa phương và của Chính phủ. Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016. Chính phủ đã thể hiện quyết tâm nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014, trước đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chủ động ban hành Quyết định số 5246/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2013 về Chương trình triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2015 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có Chỉ thị tại Văn bản số 6792/UBND-THKH ngày 19 tháng 12 năm 2014 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ. Trong năm 2014, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc cùng các đơn vị liên quan của Thành phố đã xây dựng kế hoạch, tích cực triển khai các nội dung theo Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

1. Thành tích đã đạt.

Với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể các cấp Chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, lần đầu tiên trong 10 năm công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Thành phố bước vào nhóm 5 tỉnh, thành có chỉ số PCI cao nhất cả nước (năm 2014 xếp hạng 4/63 tỉnh, thành, tăng 6 bậc so với năm 2013). Đây là kết quả sự nỗ lực của các cấp, các ngành trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, đặc biệt là việc xây dựng quy trình thông thoáng trong các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, tăng cường đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp nhằm giải quyết những khó khăn cho khu vực kinh tế tư nhân tại Thành phố đã tạo niềm tin cho doanh nghiệp mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh.

Về năng lực cạnh tranh quốc gia, theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu công bố tháng 9 năm 2014 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), chỉ số năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 2 bậc, từ 70 lên 68 trên tổng số 148 nền kinh tế. Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế cũng đã nâng mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam (Moddy's nâng từ mức B2 lên B1, Fitch nâng từ B+ lên BB-).

2. Những mặt cần khắc phục.

Tuy đã đạt được những kết quả đáng kể nhưng Thành phố vẫn còn không ít những vấn đề cần khắc phục. Điều này thể hiện rõ hơn qua việc phân tích các chỉ số thành phần PCI trong 3 năm gần đây. Tuy xếp thứ 4 trên tổng số 63 tỉnh, thành cả nước Thành phố vẫn còn đến 7/10 chỉ số thành phần ở dưới mức trung bình. PCI của Thành phố (62,73) hơn tỉnh xếp thứ 5 chỉ có 0,56 điểm (Quảng Ninh, PCI 62,16) và hơn tỉnh xếp thứ 6 có 0,91 điểm (Vĩnh Phúc, PCI 61,81), trong khi đó Thành phố kém 3 tỉnh đứng đầu là Đà Nẵng (66,87), Đồng Tháp (65,28) và Lào Cai (64,67) lần lượt là 4,14 điểm, 2,55 điểm và 1,94 điểm. Những vấn đề cụ thể khiến doanh nghiệp đánh giá chưa tốt về môi trường kinh doanh của Thành phố như sau (kèm phụ lục Bảng tổng hợp các chỉ số thành phần PCI từ năm 2012 đến năm 2014):

- Về Chỉ số Gia nhập thị trường: Thành phố đạt 7,25 điểm thấp hơn 1,05 điểm so với mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là do thời gian cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và các giấy tờ liên quan để doanh nghiệp có thể chính thức hoạt động còn lâu, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp kéo dài, kiến thức chuyên môn và thái độ phục vụ tại bộ phận Một cửa và hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp còn chưa tốt.

- Về chỉ số Tiếp cận đất đai: Thành phố đạt 5,04 điểm thấp hơn 0,77 điểm so với mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là: tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh

còn thấp; tỷ lệ diện tích đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn cao so với các tỉnh/thành khác; tỷ lệ doanh nghiệp thỏa mãn mức bồi thường khi bị thu hồi đất còn thấp (25%); tỷ lệ doanh nghiệp ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh hiện đang thấp nhất nước (12,39%).

- Về chỉ số Chi phí thời gian: Thành phố đạt 5,93 điểm thấp hơn 0,62 điểm so với mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là: tỷ lệ doanh nghiệp phải dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước còn cao; tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý là cán bộ nhà nước thân thiện và giải quyết công việc hiệu quả còn thấp; tỷ lệ doanh nghiệp thấy thủ tục giấy tờ đơn giản còn rất thấp; tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký còn cao.

- Về chỉ số Chi phí không chính thức: Thành phố đạt 4,67 điểm thấp hơn 0,38 điểm so với mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là: tỷ lệ cao các doanh nghiệp cho rằng phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức và hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp còn phổ biến.

- Về chỉ số Tính năng động: Thành phố đạt 7,25 điểm thấp hơn 1,05 điểm so với mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là: Tỷ lệ thấp các doanh nghiệp cho rằng Ủy ban nhân dân Thành phố linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp và thái độ của chính quyền là tích cực đối với khu vực tư nhân; tỷ lệ cao các doanh nghiệp cho rằng những sáng kiến hay, những chính sách đúng đắn của lãnh đạo Thành phố chưa được thực hiện tốt ở các sở, ngành hoặc các cấp.

- Về chỉ số Thiết chế pháp lý: Thành phố đạt 4,91 điểm thấp hơn 0,90 điểm so với mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là: Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng và khả năng giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế của Tòa án còn thấp; tỷ lệ thấp các doanh nghiệp cho rằng tòa án các cấp xử lý các vụ kiện về kinh tế nhanh chóng và phán quyết của Tòa được thi hành nhanh chóng; tỷ lệ thấp các doanh nghiệp cho rằng được các cơ quan hỗ trợ pháp lý khi có tranh chấp và cho rằng phán quyết của tòa án là công bằng; tỷ lệ các vụ án đã giải quyết trong năm so với chỉ tiêu còn thấp.

- Về chỉ số Cạnh tranh bình đẳng: Thành phố đạt 4,19 điểm thấp hơn 0,96 điểm so với mức trung bình. Nguyên nhân chủ yếu là: các doanh nghiệp tư nhân cho rằng doanh nghiệp nhà nước và các tổng công ty lớn đều được ưu đãi hơn trong hầu hết các lĩnh vực như: tiếp cận đất đai, các khoản tín dụng, các hợp đồng nhà nước, cấp phép khai thác khoáng sản và được các cơ quan nhà nước ưu tiên giải quyết thủ tục.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát.

Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả 3 khâu đột phá chiến lược ở cấp độ địa phương đối với trách nhiệm và quyền hạn, cụ thể là:

- Hoàn thiện về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Trọng tâm là nghiên cứu, góp ý, kiến nghị với các bộ ngành, cơ quan trung ương có thẩm quyền đối với các quy định của pháp luật, các cơ chế chính sách chưa sát với tình hình thực tế, để góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế, góp phần xây dựng cơ chế vận hành đồng bộ, thông suốt.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực chiến lược của Thành phố: Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là đào tạo đại học và dạy nghề, phát triển nhanh nguồn năng lực chất lượng cao, có kỹ năng quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường công tác quản lý và bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ: Tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Có cơ chế, chính sách ưu đãi hơn để huy động các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực như là một phương thức phát triển mới, đổi mới quy trình quản lý, sản xuất và dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố nói riêng và của quốc gia nói chung.

Tập trung vào các nội dung nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Thành phố, góp phần nâng cao thứ hạng về môi trường kinh doanh của quốc gia (theo xếp hạng của Ngân hàng Thế giới) và năng lực cạnh tranh quốc gia (theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới).

2. Các chỉ tiêu chủ yếu.

Trong hai năm 2015 - 2016, chủ yếu tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hóa hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện các thủ tục hành chính. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng năm như sau:

2.1. Năm 2015 phấn đấu các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh của nước ta đạt và vượt mức trung bình của các nước ASEAN-6⁽¹⁾ theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ trên một số nội dung sau:

- Rút ngắn thời gian nộp thuế còn không quá 121,5 giờ/năm; thời gian nộp bảo hiểm xã hội không quá 49,5 giờ/năm; tỷ lệ doanh nghiệp kê khai thuế điện tử đạt trên 95%; tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt tối thiểu 90%; xây dựng và công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm ít nhất 90% hoàn thuế theo đúng thời gian quy định.

- Tiếp tục giảm mạnh thời gian thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu ngang bằng với các nước ASEAN-6, bảo đảm Hải quan Thành phố đáp ứng tiêu chuẩn hải quan hiện đại; thời gian hàng hóa xuất nhập khẩu giao lưu qua biên giới đạt mức tối đa 13 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, 14 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu. Cơ bản hoàn thành và vận hành hiệu quả Hải quan một cửa quốc gia, kết nối với các Bộ ngành liên quan.

- Thời gian thực hiện các thủ tục khởi sự kinh doanh tối đa 6 ngày. Trong đó, thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp thành lập mới là 3 ngày.

- Thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp tối đa 36 ngày.

- Thời gian thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp giảm từ 60 tháng hiện nay còn tối đa 30 tháng.

2.2. Năm 2016, phấn đấu chỉ số môi trường kinh doanh của Việt Nam tối thiểu đạt mức trung bình của nhóm nước ASEAN-4 theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ trên một số nội dung sau:

- Củng cố, duy trì các kết quả đạt được trong khởi sự kinh doanh, tiếp cận điện năng, bảo vệ nhà đầu tư, hải quan, nộp thuế và bảo hiểm bắt buộc. Một số chỉ tiêu cụ thể là: Khởi sự kinh doanh thuộc nhóm 60 nước đứng đầu; thời gian thực hiện thủ tục tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp tối đa là 35 ngày; bảo vệ nhà đầu tư thuộc nhóm 50 nước đứng đầu; thời gian nộp thuế và bảo hiểm bắt buộc không quá 168 giờ/năm.

- Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian xin cấp phép xây dựng theo phương pháp xác định của Ngân hàng Thế giới, tối đa không quá 77 ngày (bao gồm cả thời

⁽¹⁾ Năm 2014, theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới về năng lực cạnh tranh, Singapore xếp thứ 02, Malaysia thứ 20, Thái Lan thứ 31, Indonesia thứ 34, Philippines thứ 52, Việt Nam thứ 68. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới về môi trường kinh doanh, Singapore xếp thứ 01, Malaysia thứ 18, Thái Lan thứ 26, Việt Nam thứ 78, Philippines thứ 95, Indonesia thứ 114.

gian lấy ý kiến của các cơ quan liên quan như chấp thuận đầu nối điện, nước (sạch và thái), môi trường, phòng cháy, chữa cháy, độ tĩnh không...).

- Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản xuống còn không quá 14 ngày (hiện nay là 57 ngày).

- Phấn đấu đến năm 2016, chỉ số tiếp cận tín dụng thuộc nhóm 30 nước đứng đầu trong nhóm các nước được Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng.

- Đạt mức ASEAN-4 về cải cách hành chính thuế đối với 03 nhóm chỉ tiêu mới là: Kiểm tra trước hoàn thuế; thực hiện quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế; thời gian và kết quả xử lý những khiếu nại về thuế.

- Quy định rõ danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kiểm dịch, kiểm tra phù hợp tiêu chuẩn, chất lượng trước khi thông quan theo hướng hàng hóa, dịch vụ tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa tuân thủ các tiêu chuẩn, phương thức phù hợp với các cam kết, thông lệ quốc tế. Đơn giản quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất, nhập khẩu, hải quan. Nâng cao năng lực của các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước trong việc kiểm dịch, kiểm tra tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ tại các cửa khẩu trọng yếu trên toàn quốc; thiết lập cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước liên quan; giảm thời gian hoàn thành thủ tục xuất khẩu xuống còn dưới 10 ngày và thời gian nhập khẩu xuống còn dưới 12 ngày.

- Đơn giản hóa thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp thương mại xuống còn tối đa 200 ngày (hiện nay là 400 ngày), thời gian thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp giảm xuống còn tối đa là 24 tháng (hiện nay là 60 tháng).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, tạo mọi thuận lợi và giảm thời gian giải quyết và chi phí thực hiện thủ tục hành chính của doanh nghiệp, người dân và các nội dung có liên quan đến các chỉ số xếp hạng, các chỉ số thành phần PCI còn thấp.

2. Tổ chức triển khai kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015 theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm giảm cắt tối thiểu 25% chi phí tuân thủ đối với quy định, thủ tục hành chính liên quan. Rà soát, chuẩn hóa các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, bảo đảm 100% thủ tục hành chính được chuẩn hóa, kịp thời công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu của đơn vị về

thủ tục hành chính và niêm yết đồng bộ, thống nhất tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

3. Chủ động, tích cực trong việc tham mưu, góp ý, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi chức năng và chuyên môn, thực hiện các văn bản quy định chi tiết được giao, bảo đảm tiến độ và chất lượng.

4. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tập hợp, rà soát và đánh giá tình hình thực hiện các dịch vụ công, có giải pháp đổi mới tổ chức cung ứng các dịch vụ công theo hướng đa dạng hóa, xóa bỏ tình trạng độc quyền của một hoặc một số đơn vị trực thuộc hoặc nhà cung ứng được chỉ định trước; nghiên cứu đề xuất những dịch vụ có thể mở cho tư nhân cung cấp với mức độ phù hợp, bảo đảm tiếp cận công bằng và bình đẳng đối với cơ hội kinh doanh các loại dịch vụ này và quyền tự do lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường.

5. Niêm yết công khai minh bạch thủ tục hành chính trên công thông tin điện tử và tại trụ sở của từng cơ quan, đơn vị và nơi trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính. Chủ động, bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, có trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính bảo đảm đúng tiến độ theo quy định. Tăng cường công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính trong triển khai dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố; phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây cản trở cho tổ chức, cá nhân khi thi hành công vụ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi để người dân giám sát tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân và doanh nghiệp. Từng bước triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp... Đẩy mạnh việc khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn Thành phố.

7. Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế Thành phố. Ưu tiên hàng đầu nhiệm vụ thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong từng ngành, lĩnh vực, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên địa bàn Thành phố. Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ

thông tin, thúc đẩy ngành công nghiệp phần mềm. Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và hiệu lực, hiệu quả quản lý hệ thống hạ tầng thông tin, nội dung thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đáp ứng yêu cầu cung cấp, trao đổi thông tin của xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chủ quyền quốc gia về không gian mạng.

8. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Thành phố trong giai đoạn 2011 - 2015 bằng các nhóm giải pháp, công việc:

- Rà soát các chính sách hiện có, căn cứ tình hình và nhu cầu thực tế để kiến nghị Chính phủ ban hành và chủ động ban hành theo thẩm quyền các chính sách mới trong phát triển khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, công viên phần mềm; phát triển khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trên địa bàn Thành phố. Hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án Tái cấu trúc nền kinh tế Thành phố để định hướng cho việc thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế Thành phố. Nghiên cứu những chương trình, đề án mới mang tính kế thừa các chương trình, đề án cũ và tạo sự đột phá cho Chương trình trong năm 2016 và giai đoạn tiếp theo. Nghiên cứu các giải pháp triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ để góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố một cách có hiệu quả;

- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi trong công tác cải cách hành chính và cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời giải quyết các kiến nghị và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thực hiện dịch vụ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại nhà, cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua mạng để tạo thuận lợi, giảm thời gian và chi phí đi lại cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố, tăng cường đầu tư, nâng cấp mở rộng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các thành phần kinh tế phát triển ổn định và bền vững;

- Tập trung công tác chỉ đạo, điều hành triển khai các đề án, chương trình nhánh đã ban hành; hoàn thành xây dựng các chương trình, đề án còn lại nghiên cứu và bổ sung các đề án, chương trình mới, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ cao, công nghệ thông tin... nhằm thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế; Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các loại quy hoạch như quy hoạch các ngành kinh tế, kỹ thuật, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây

dựng, quy hoạch phát triển giao thông gắn với quy hoạch Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Quy hoạch vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh... phục vụ cho nhu cầu điều chỉnh quy hoạch không gian đô thị, xây dựng các công trình hạ tầng, tái bố trí dân cư và các cơ sở sản xuất phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp, phản ứng linh hoạt nhằm chủ động xử lý những tình huống bất ngờ, nhạy cảm có thể xảy ra trên địa bàn; Tiếp tục xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu hạ tầng, dân cư, kinh tế và xã hội của Thành phố; Hoàn thành các kế hoạch sắp xếp, đổi mới và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa các doanh nghiệp công ích; triển khai thực hiện chống độc quyền trong cung cấp dịch vụ công ích; Kiểm soát công nghệ đầu vào và bảo vệ sản phẩm trong nước; Tập trung phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển kinh tế - xã hội Thành phố trong giai đoạn mới.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành, Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Chủ động nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn thi hành đúng, đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014.

Xây dựng, công bố và công khai đầy đủ các quy định về điều kiện kinh doanh trên cổng thông tin điện tử của Thành phố; rà soát, đánh giá và kiến nghị bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Thành phố lập cơ chế liên thông, chia sẻ thông tin về doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội theo qui định của Pháp luật.

Phối hợp với các cơ quan triển khai sử dụng mã số doanh nghiệp duy nhất, sử dụng chữ ký số của doanh nghiệp trong tất cả các quan hệ giữa doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước (Kế hoạch và Đầu tư, Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng,...) và trong các hoạt động của doanh nghiệp.

Nghiên cứu, giảm thời gian giải quyết thủ tục phá sản xuống còn tối đa là 30 tháng trong năm 2015 và 24 tháng trong năm 2016.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố, nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mới thay thế Quyết định số

33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu của thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời triển khai kế hoạch thực hiện Quyết định 265/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng về phê duyệt Đề án tăng cường năng lực đơn vị thực hiện trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành tài chính được nêu tại mục 5 và 22 Chương II, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ.

3. Bảo hiểm xã hội Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tại địa phương tiếp tục rà soát, đơn giản hóa hồ sơ, qui trình và thủ tục kê khai thu và chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục nộp bảo hiểm bắt buộc đối với doanh nghiệp xuống còn 49 giờ. Triển khai ứng dụng phần mềm hỗ trợ kê khai hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chương trình chung của quốc gia.

Phối hợp nghiên cứu, đề xuất, triển khai áp dụng chữ ký số trong kê khai nộp thuế, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế qua mạng.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Xây dựng và hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch thực hiện.

Triển khai thực hiện và phối hợp Tổng Công ty Điện lực Thành phố khẩn trương thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm giảm các thủ tục, thời gian và chi phí tiếp cận để được cấp điện đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, bảo đảm rút thời gian tiếp cận xuống còn tối đa 30 ngày cho năm 2015 và 15 ngày cho năm 2016. Công khai hóa qui trình, thủ tục và thời gian xác nhận phù hợp qui hoạch, bổ sung qui hoạch.

Chủ trì và phối hợp với Tổng Công ty Điện lực Thành phố và Cơ quan phòng cháy chữa cháy nghiên cứu đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy, thực hiện qua đầu mỗi một cửa là cơ quan điện lực.

Nghiên cứu, đề xuất danh mục ngành và sản phẩm của Thành phố cần được hỗ trợ của 4 ngành công nghiệp trọng yếu và đặc biệt là ngành công nghiệp hỗ trợ, tập trung cho cơ khí chế tạo máy và các lĩnh vực thế mạnh khác của Thành phố.

5. Thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành Công thương được nêu tại mục 7 và 22 Chương II, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Lập, bổ sung và thực hiện các quy hoạch theo thẩm quyền. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn mới theo đề án đã được phê duyệt trên địa bàn Thành phố.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quy hoạch, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, nhất là về giống cây trồng, vật nuôi và kỹ thuật canh tác.

Tăng cường kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Sở Khoa học và Công nghệ, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp đẩy mạnh và khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong suốt quá trình hình thành sản phẩm, hỗ trợ hình thành hệ thống doanh nghiệp khoa học - công nghệ và thị trường công nghệ để mua bán, chuyển giao công nghệ, kể cả bằng sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn Thành phố.

Nghiên cứu, triển khai thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp cần thiết nâng cao hiệu lực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và mức độ sẵn sàng về làm chủ và đổi mới công nghệ, triển khai mạnh mẽ các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố.

Xây dựng các nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, nguồn nhân lực trên địa bàn Thành phố.

Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích các cơ quan, doanh nghiệp trong lĩnh vực thuộc mọi thành phần kinh tế đẩy mạnh đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Luật đất đai (sửa đổi) và các quy định liên quan trên địa bàn Thành phố.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật của Thành phố về quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai; kiện toàn Trung tâm phát triển quỹ đất theo Thông tư số 16/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính.

Rà soát, hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững. Có cơ chế phù hợp khuyến khích các doanh nghiệp bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng trên địa bàn Thành phố.

Chủ động triển khai các biện pháp cần thiết để đạt mục tiêu rút ngắn thời gian đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản. Thực hiện mô hình liên thông các thủ tục công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế.

Phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng công chứng và Văn phòng đăng ký đất đai công bố công khai các thủ tục hành chính liên quan gồm yêu cầu, hồ sơ, trình tự, thời gian, chi phí trên trang thông tin điện tử của các cơ quan này.

Công khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của Thành phố; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của 5 huyện và kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016 của 24 quận, huyện trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường để các doanh nghiệp và người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận đất đai phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tổ chức thực hiện Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

9. Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Rà soát, hệ thống hóa các quy định pháp luật nói chung, các quy định liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nói riêng phù hợp với nội dung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trên địa bàn Thành phố.

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng công chứng, Văn phòng đăng ký đất đai nghiên cứu các thủ tục liên quan tới đăng ký tài sản và công bố công khai các thủ tục hành chính liên quan trên trang thông tin điện tử của các cơ quan này.

10. Sở Nội vụ phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá, kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức nhà nước theo hướng nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức công vụ nhằm hạn chế các tiêu cực gây ảnh hưởng đến niềm tin của người dân đối với tổ chức bộ máy nhà nước nói chung và đối với doanh nghiệp nói riêng.

11. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Tập trung thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng hạ tầng và dịch vụ giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, đường biển trên địa bàn Thành phố; nghiên cứu cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh hệ thống cung cấp dịch vụ hậu cần (logistic) của Thành phố hướng tới giảm chi phí các dịch vụ vận tải trên địa bàn xuống bằng với mức trung bình của nhóm nước ASEAN-6 (năm 2015) và ASEAN-4 (năm 2016).

Ban hành qui trình thống nhất về đầu nối nguồn cấp nước đối với khách hàng là cá nhân và tổ chức; công bố bản đồ hiện trạng đường ống phân phối nước; đơn giản thủ tục và thời gian đầu nối nguồn nước cho khách hàng.

Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Công thương thực hiện rút ngắn quy trình, thủ tục và thời gian xác nhận phù hợp quy hoạch, bổ sung qui

hoạch; thỏa thuận vị trí trạm/cột điện và hành lang lưới điện; cấp phép đào đường, vỉa hè, báo cáo đánh giá tác động môi trường.

12. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Chủ động nghiên cứu hướng dẫn công khai, minh bạch các thủ tục cấp giấy phép xây dựng, bảo đảm cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác cấp giấy phép xây dựng theo các quy định của pháp luật; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung quy định về phí theo hướng giảm chi phí cho việc thực hiện cấp phép xây dựng.

Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đối với các dự án phát triển mới nằm trong khu đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt. Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng không được đặt ra yêu cầu về thỏa thuận phương án kiến trúc, phương án tổng mặt bằng.

Đối với khu mới có qui hoạch chung hoặc qui hoạch phân khu thì giao chủ đầu tư chủ động lập qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trình trực tiếp Sở Xây dựng phê duyệt, làm cơ sở cấp phép xây dựng.

Đối với khu đô thị đã ổn định, nếu chưa có quy hoạch chi tiết Sở Xây dựng chủ động nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế quản lý qui hoạch - kiến trúc làm cơ sở cấp phép xây dựng. Trường hợp khu vực chưa có Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc thì cơ quan cấp phép xây dựng căn cứ vào qui hoạch phân khu chức năng hoặc qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 do chủ đầu tư dự án lập để quyết định cấp phép xây dựng.

Chỉ đạo các cơ quan cấp giấy phép xây dựng nhanh chóng kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng.

Năm 2015, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, quận huyện liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế phối hợp theo cơ chế một cửa liên thông trong công tác cấp phép xây dựng.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Rà soát, hoàn thiện các thủ tục, điều kiện thành lập, hoạt động đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố; nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học hàng đầu quốc tế mở cơ sở đào tạo tại Thành phố; bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ các thủ tục, điều kiện bất hợp lý, không còn cần thiết; bổ sung, sửa đổi và đơn giản hóa, giảm chi phí tuân thủ đối với các thủ tục, điều kiện còn lại theo hướng khuyến khích và tạo thuận lợi hơn cho tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Kiểm tra, giám sát nội dung các chương trình giáo dục đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề để theo hướng thiết thực hơn, gần với thực tế hơn, đảm bảo các sinh viên và học viên ra trường có thể làm việc ngay, giảm thời gian đào tạo lại cho doanh nghiệp.

14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Rà soát, đánh giá và thực hiện các biện pháp cần thiết tạo thuận lợi hơn cho việc tuyển dụng lao động và sử dụng lao động, bảo đảm tính thống nhất và linh hoạt của thị trường lao động Thành phố.

Rà soát, hoàn thiện các thủ tục và điều kiện thành lập, hoạt động đối với các tổ chức đào tạo nghề ngoài công lập; bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ các thủ tục không cần thiết, không hợp lý và không hợp pháp; bổ sung, sửa đổi và đơn giản hóa, giảm chi phí tuân thủ đối với các thủ tục, điều kiện còn lại theo hướng khuyến khích và tạo thuận lợi hơn cho khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố.

Kiểm soát chặt chẽ việc phát triển theo quy hoạch, có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề trên địa bàn Thành phố.

Mở rộng quyền tự chủ tuyển sinh, đổi mới cơ chế tài chính và nâng cao tự chủ tài chính, tự chủ về chương trình, nội dung và sản phẩm dịch vụ cho các tổ chức đào tạo nghề ngoài công lập trực thuộc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung ứng dịch vụ giáo dục, đào tạo theo cơ chế thị trường.

15. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách quản lý nhà nước để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.

Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và hiệu lực, hiệu quả quản lý hệ thống hạ tầng thông tin, nội dung thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố; đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo đảm an toàn thông tin, chủ quyền quốc gia về không gian mạng.

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm phát triển mạnh công nghiệp công nghệ thông tin, ưu tiên ngành công nghiệp phần mềm và nội dung số.

Nghiên cứu xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền các nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế về phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn Thành phố.

16. Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Thực hiện có hiệu quả chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là các Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác sắp xếp, đổi mới và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo kế hoạch và đề án được phê duyệt.

17. Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã và thị trấn.

Công khai hóa qui trình, thủ tục và thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, trong đó trọng tâm là rà soát các thủ tục hành chính như cấp phép đào đường, vỉa hè, phê duyệt đánh giá tác động môi trường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Kế hoạch này các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố **trước ngày 31 tháng 7 năm 2015** (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đồng gửi Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính Thành phố). Định kỳ hàng quý, thực hiện báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 05 của tháng 3, 6, 9** và trước **ngày 25 tháng 11** (báo cáo tổng kết cả năm).

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này báo cáo định kỳ hàng quý cho Ủy ban nhân dân Thành phố **trước ngày 10 của tháng 3, 6, 9** và trước **ngày 01 tháng 12** (báo cáo tổng kết cả năm).

3. Giao Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính Thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này và các Nghị quyết của Chính phủ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ phục vụ nhân dân và doanh nghiệp theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục I**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỪ 2012 ĐẾN 2014**

(Kèm theo Quyết định số: 3301/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của
 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

CHỈ SỐ	2012	TB*	2013	TB*	2014	TB*
Gia nhập thị trường	8,43	8,73	7,01	8,54	<u>7,25</u>	8,3
Tiếp cận đất đai	6,17	6,52	6,43	6,48	<u>5,04</u>	5,81
Tính minh bạch	6,26	5,78	5,64	5,84	6,89	6,05
Chi phí thời gian	6,41	5,72	5,94	6,63	<u>5,93</u>	6,55
Chi phí không chính thức	6,67	6,46	6,01	6,83	<u>4,67</u>	5,05
Tính năng động	4,24	4,84	4,65	4,74	<u>3,92</u>	4,57
Hỗ trợ doanh nghiệp	5,80	3,87	7,14	3,68	7,14	5,62
Đào tạo lao động	5,82	4,94	6,22	4,78	7,19	5,80
Thiết chế pháp lý	4,22	3,55	4,95	5,66	<u>4,91</u>	5,81
Cạnh tranh bình đẳng	N/A**		5,40	5,60	<u>4,19</u>	5,15
PCI	61,19	57,02	61,19	59,44	62,73	58,07
Kết quả xếp hạng	13		10		4	
Nhóm điều hành	Tốt		Tốt		Rất tốt	

*Giá trị trung bình của 63 tỉnh thành cả nước

**Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng chỉ có từ năm 2013

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/NQ-CP NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2015
CỦA CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Quyết định số: 3301/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của
 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Số TT	CHỈ TIÊU	Năm 2015: đạt trung bình ASEAN-6	Năm 2016: đạt trung bình ASEAN-4
1	Thời gian nộp thuế	tối đa 121,5 giờ/năm	không quá 168 giờ/năm
2	Thời gian nộp BHXH	không quá 49,5 giờ/năm	
3	Tỷ lệ DN kê khai thuế điện tử	trên 95%	
4	Tỷ lệ DN nộp thuế điện tử	ít nhất 90%	
5	Hoàn thuế đúng thời gian quy định	tối thiểu 90%	
6	Thời gian thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu	tối đa 13 ngày	dưới 10 ngày
7	Thời gian thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu	tối đa 14 ngày	dưới 12 ngày
8	Thời gian thực hiện các thủ tục khởi sự kinh doanh	tối đa 6 ngày	60 nước đứng đầu*
9	Đăng ký DN thành lập mới	3 ngày	
10	Thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp	tối đa 30 ngày	tối đa 15 ngày
11	Thời gian thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp	tối đa 30 tháng (hiện nay là 60 tháng)	tối đa 30 tháng

12	Bảo vệ nhà đầu tư		50 nước đứng đầu*
13	Thời gian xin cấp phép xây dựng (bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của các cơ quan liên quan)		không quá 77 ngày
14	Thời gian đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản		không quá 14 ngày (hiện nay là 57 ngày)
15	Chỉ số tiếp cận tín dụng		30 nước đứng đầu*
16	Cải cách hành chính thuế		đạt mức ASEAN-4
17	Giải quyết tranh chấp thương mại		tối đa 200 ngày (hiện nay là 400 ngày)

**Trong nhóm các nước được Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3420/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 3266/STP-BTTP ngày 29 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Chỉ thị số 03/2001/CT-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng